

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/DS-ST

Ngày: 19-9-2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Điệp

2. Ông Bùi Vạn Huynh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: 266- B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là nguyên đơn.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh H – Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Q (Theo văn bản số 2178/2023/QĐ-QTNL ngày 06/6/2023)

Ông H ủy quyền cho bà Thái Thị L, chức vụ: Phó Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại Cổ phần S- chi nhánh Q.

Cùng địa chỉ chi nhánh: 449 Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Theo văn bản ủy quyền số 16/2023/GUQ-CNQNI ngày 12/6/2023)

Bị đơn: Ông Mai Quốc N, sinh năm 1986, địa chỉ liên lạc: Số D đường N, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2023 và tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S- chi nhánh Q với ông Mai Quốc N ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu thập của ông Mai Quốc N. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngày 14/12/2022, ông Mai Quốc N gửi Giấy đề nghị nâng hạn mức lên 50.000.000 đồng và được Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa (số thẻ 356480-2985) với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 231.533.320 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 238.949.968 đồng. Tổng số tiền được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/ hoặc lãi, giao dịch rút tiền mặt và giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Tổng số tiền ông N thanh toán là 238.949.968 đồng được trừ thanh toán cho các khoản phí, lãi trước, số tiền còn lại sẽ trừ vào số tiền đã giao dịch, cụ thể: trừ vào tổng tiền lãi trong hạn: 55.988.686 đồng, phí trễ hạn thanh toán: 2.832.701 đồng, phí vượt hạn mức: 1.762.208 đồng, phí khác (phí thường niên, phí rút tiền mặt,...): 3.691.000 đồng; số tiền còn lại sẽ trừ vào số tiền đã giao dịch 174.675.373 đồng, sau khi trừ thì số tiền còn thiếu tính đến ngày 30/01/2023 là 56.857.947 đồng.

Ngân hàng nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn vi phạm việc thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 30/01/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 56.857.947 đồng sang nợ quá hạn, làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 4,149%/tháng (Lãi suất trong hạn 2,766%/tháng x 150%) (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Mai Quốc N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2023 là 74.512.567 đồng, trong đó nợ gốc là 56.857.947 đồng, nợ lãi trong hạn: 11.769.595 đồng và nợ lãi quá hạn: 5.885.025 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 13/9/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Bị đơn ông Mai Quốc N: Được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông N không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc, lãi như nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/3/2016, ông Mai Quốc N ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - chi nhánh Q hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng. Ngày 14/12/2022, ông Mai Quốc N có Giấy đề nghị nâng hạn mức lên 50.000.000 đồng và được cấp thẻ tín dụng Visa (số thẻ 356480-2985) với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng. Ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 231.533.320 đồng và đã thanh toán số tiền 238.949.968 đồng. Số tiền 238.949.968 đồng được trừ thanh toán cho các khoản phí, lãi trước, số tiền còn lại sẽ trừ vào số tiền đã giao dịch, cụ thể: trừ vào tổng tiền lãi trong hạn: 55.988.686 đồng, phí trễ hạn thanh toán: 2.832.701 đồng, phí vượt hạn mức: 1.762.208 đồng, phí khác (phí thường niên, phí rút tiền mặt,...): 3.691.000 đồng; số tiền còn lại 174.675.373 đồng sẽ trừ vào số tiền đã giao dịch, sau khi trừ thì số tiền còn thiếu là 56.857.947 đồng. Ngày 30/01/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ

đư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 56.857.947 đồng sang nợ quá hạn, làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 4,149%/tháng (Lãi suất trong hạn 2,766%/tháng x 150%) (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 12/9/2023, nguyên đơn yêu cầu buộc ông N phải trả cho nguyên đơn với tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2023 là 74.512.567 đồng, trong đó nợ gốc là 56.857.947 đồng, nợ lãi trong hạn: 11.769.595 đồng và nợ lãi quá hạn: 5.885.025 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 13/9/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cho đến khi trả xong nợ là phù hợp với quy định tại Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Mai Quốc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.725.628 đồng (74.512.567 đồng x 5%).

- Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 1.425.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, 465, 466, 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

1. Buộc ông Mai Quốc N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm tính đến hết ngày 12/9/2023 là 74.512.567 đồng, trong đó nợ gốc là 56.857.947 đồng, nợ lãi trong hạn: 11.769.595 đồng và nợ lãi quá hạn: 5.885.025 đồng. Kể từ ngày 13/9/2023 ông Mai Quốc N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/3/2016, giấy đề nghị 14/12/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho đến khi ông Mai Quốc N thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

2. Về án phí:

- Ông Mai Quốc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.725.628 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 1.425.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: 0004695 ngày 17/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

3. *Về kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Như

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị M Thư Đình Thị Thanh Thủy Nguyễn Thị Thanh N1

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Như

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đúng theo qui định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý, về quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách những người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng, về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng hạn theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3, buộc ông Đinh B và bà Trần Thị N2 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 1.984.796.163 đồng, trong đó nợ gốc là 1.800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 182.812.602 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.983.561 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/11/2018 cho đến khi trả nợ xong. Trường hợp ông Đinh B và bà Trần Thị N2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong hai hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ thu nợ (gốc, lãi) thì ông Đinh B và bà Trần Thị N2 phải có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho đến khi xong các khoản nợ. Về án phí, chi phí tố tụng bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

